

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Medium

# SOPHIE 01

**Cái nhìn** t ự **mái tthoáng sáng**

ế SOPHIE 01 khả năng chư ớ trợ SR, bảo v ệ ESD, phần lót chân có th ể
mái tthoáng sờ đế ngoài bằn g cao su b è n và phần trên thoáng
khí. Nó hoàn hảo cho điều ku iệt vàkhô áo, thu

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Lorica |
| lót bên trong | i tái chế lướ |
| trong Đ | ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế) |
| ngoài Đ | Phylon/cao su |
| i Loạ | 01 / SRC, ESD |
| Phạm vi kích thước | EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5<br>JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270 |
| ng lượng t thép | 0.245 kg |
| ẩn hóa iêu chu | ASTM F2892:2018<br>EN ISO 20347:2012 |

CE · ESD · EXCLUSIVE LORICA · OXYGRIP




PFU



LLC



BLK



FUC



LBL



LGN



WHT



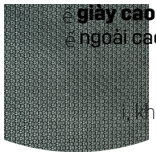
X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn ngừa do tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



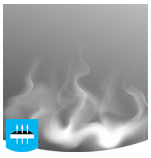

**SRC**
ước là ng trong ng những tính năng quan trọng
giày bảo hộ chống t qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường
xuyên hoặc miếng lót giày chỉnh hình
riêng mái thể thoả



**giày cao su**
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh
hoạt giúp chúng phù h ình
ứng dụng: khả năng chống cắt
năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính
linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả
năng thích nghi và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ cải thiện giấc
mái thoát lâu hơn.

**Công** nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc ụ ốẩm m & Đ thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
r ơn môi khô, Bề mặt cự c mịn

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phả cá hà mị g Kh trê lò s

K

| | Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20347** | ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q |
|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn | | | |
| | Top: khả năng thấm ướ ơ | ? 0.8 | 1.4 ờ mg/cm/g |
| | Top: hi ệu suất ơ | ? 15 | 15.5 mg/cm2 |
| **ót bên trong** | i **tái** ch ế | | |
| | L ớp lót: thấm ướ ơ | ? 2 | 43.7 ờ mg/cm/g |
| | lót: hi ệu suất ơ | ? 20 | 350 mg/cm2 |
| **rong** Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế) | | | |
| | ệ m chân: Ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ) | 25600/12800 | 25600/12800 chu kỳ |
| **goài** Đ | **Philon/cao su** | | |
| | Ch ố ả ợ ế ngoài ( mài mòn) | ? 150 | 71.9 mm |
| | a đế ngoài SRA- gót chân | ? 0.28 | 0.48 ma sát |
| | a đế ngoài SRA: Phầ t g | ? 0.32 | 0.43 ma sát |
| | a đế ngoài SRB: gót chân | ? 0.13 | 0.32 ma sát |
| | ế ngoài SRB: t phần g | ? 0.18 | 0.34 ma sát |
| | ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | N/A megaohm |
| | ị ESD Giá t | 0.1 - 100 | 28.6 megaohm |
| | Hấp thụ năng l ợ g ót chân củ | ? 20 | 23.4 J |

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Safety Jogger không chịu trách nhiệm về bất kỳ lỗi in ấn nào. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh** ọc **thái:**

| | Sự **miêu** t ả | ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q |
|---|---|---|
| i **CO2 phát** thả | | |
| | V ật l iệu | 1.68 kg |
| | Bao bì | 0.10 kg |
| | ất Sản x u | 1.90 kg |
| | Chuyên ch ở | 0.26 kg |
| | | **3.94 kg CO2/** cặp |

| | Sự **miêu** t ả | ế t K u q |
|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ **tái** ch ế | | |
| | Product | 18% |
| | Bao bì | 99% |

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán CO2 của Giầy đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com